

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trương Thị Nhung

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Hoàng Dũng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Giang- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 104/2025/TLST-LĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 5577/2025/QĐMPH - VDS ngày 12 tháng 6 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: A B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có đơn xin vắng mặt).

2. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

2.1 Công ty TNHH M1

Trụ sở: Lô F đường B, khu chế xuất L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Cao Thị Tuyết N, sinh năm 1985

Địa chỉ: 188/5/2 T, khu phố C, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

Giấy ủy quyền ngày 21/5/2025.

2.2 Bà Dương Thị H, sinh năm 1982

Địa chỉ: ấp H, xã H, huyện D, tỉnh Bình Dương (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

1. Người yêu cầu bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào năm 2012, bà có mượn chứng minh nhân dân số 172325661 của bà

Dương Thị H để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH M1 (Sau đây gọi tắt là Công ty M1) do bà bị mất chứng minh nhân dân. Công ty M1 đã đóng bảo hiểm xã hội cho bà từ tháng 7 năm 2012 đến cuối năm 2022 dưới tên của bà Dương Thị H.

Trong khoảng thời gian này, từ năm 2012 đến năm 2015, bà Dương Thị H đang làm việc tại Công ty TNHH MTV C1, tỉnh Bình Dương và được công ty Đ số sổ 7412263599.

Đầu năm 2025, bà T làm thủ tục lãnh bảo hiểm xã hội một lần thì phát hiện hồ sơ bảo hiểm xã hội tên Dương Thị H (do bà mượn chứng minh nhân dân ký) tại Công ty TNHH M2 với hồ sơ bảo hiểm xã hội mang tên bà Dương Thị H tại Công ty TNHH MTV C1. Do đó, bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Dương Thị H (do bà T ký) và Công ty TNHH M1 trong khoảng thời gian từ tháng 7/2012 đến tháng 12/2022 là vô hiệu. Bà T không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động nêu trên vô hiệu.

Ngoài ra, bà T không có yêu cầu nào khác. Do bận công việc bà T xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ việc.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH M1 do bà Cao Thị Tuyết N đại diện trình bày: Do bà Nguyễn Thị T (dưới tên bà Dương Thị H) làm việc tại Công ty đã lâu nên hiện công ty không còn lưu giữ hợp đồng lao động của bà H. Thời gian bà T (tên bà H) làm việc được công ty đóng bảo hiểm đầy đủ theo quy định pháp luật. Do đó, Công ty M1 đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đồng thời, đại diện Công ty M1 cũng xin được vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị H trình bày:

Năm 2012 đến năm 2022, bà có cho bà Nguyễn Thị Thu M chứng minh nhân dân để ký hợp đồng lao động làm việc tại Công ty TNHH M1. Thời gian làm việc tại đây, bà T được công ty M1 đóng bảo hiểm xã hội số sổ 7912310906. Trong khoảng thời gian từ năm 2012 đến năm 2015, bà có đi làm việc tại Công ty TNHH MTV C1 và được công ty Đ đầy đủ.

Đến năm 2025, bà Nguyễn Thị T đi chốt sổ bảo hiểm xã hội để hưởng một lần thì phát hiện có thời gian đóng trùng với tên của bà H. Do vậy, nay bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa ký giữa Dương Thị H (do bà Nguyễn Thị T ký) với Công ty TNHH M1 vô hiệu, bà đồng ý.

Bà H không có yêu cầu nào khác. Do bận công việc, bà H xin được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ việc.

4. Tại phiên họp:

Người yêu cầu bà Nguyễn Thị T xin được vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Dương Thị H (do bà Nguyễn Thị T ký) và Công ty TNHH M1 trong khoảng thời gian từ tháng

07/2012 đến tháng 12/2022 là vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị H, Công ty TNHH M1 xin được vắng mặt.

5. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến tại phiên họp, Thẩm phán và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T về việc tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Dương Thị H (do bà Nguyễn Thị T ký) và Công ty TNHH M1 trong khoảng thời gian từ tháng 07/2012 đến tháng 12/2022 là vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Bà T mượn chứng minh nhân dân của bà H làm việc tại Công ty TNHH M1, địa chỉ: Lô F, đường B, khu chế xuất L, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 33, khoản 2 Điều 35 và điểm và khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc dân sự là “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Người yêu cầu bà Nguyễn Thị T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Dương Thị H, Công ty TNHH M1 có đơn xin vắng mặt tại phiên họp. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp vắng mặt người yêu cầu và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị T, nhận thấy:

Căn cứ Văn bản số 2130/BHXXH-TST ngày 19/5/2025 của Bảo hiểm xã hội thành phố T thì bà Dương Thị H, sinh năm 1982, mã số BHXH 7912310906, số CMND 172325661 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội (viết tắt là BHXH), bảo hiểm y tế (viết tắt là BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (viết tắt là B), bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp (viết tắt là BHTNLD-BNN) tại Công ty TNHH M1 từ tháng 7/2012 đến tháng 12/2022. Đồng thời trong khoảng thời gian từ tháng 09/2012 đến tháng 12/2015 bà Dương Thị H số sổ BHXH 7412263594, CCCD 03818203030065 có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội (viết tắt là BHXH), bảo hiểm y tế (viết tắt là BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (viết

tất là B), bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp (viết tắt là BHTNLD-BNN) tại Công ty TNHH MTV C1.

Như vậy, trong cùng khoảng thời gian từ tháng 9/2012 đến tháng 12/2015 thì thông tin bà Dương Thị H cùng lúc làm việc tại Công ty TNHH M1 và Công ty TNHH MTV C1. Điều này hoàn toàn phù hợp với lời trình bày của các đương sự về việc bà Nguyễn Thị T đã mượn chứng minh nhân dân của bà Dương Thị H để làm việc tại Công ty M1.

Khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: *Hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ trong trường hợp sau đây: ... Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này...*

Khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019 quy định: *Nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực ...*

Bà T đã sử dụng chứng minh nhân dân của bà Dương Thị H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH M1 đã vi phạm nguyên tắc trung thực khi giao kết hợp đồng lao động.

Vì vậy, bà Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Dương Thị H (do bà Nguyễn Thị T ký) và Công ty TNHH M1 trong khoảng thời gian từ tháng 7/2012 đến tháng 12/2022 vô hiệu là có căn cứ và phù hợp quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T là có cơ sở.

[2] Bà Nguyễn Thị T, Công ty TNHH M1, bà Dương Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu nên ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự.

[3] Về lệ phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu C lệ phí theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, khoản 2 Điều 35 và điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 361, Điều 367, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 401 và Điều 402 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 15, khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Điều 35, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu bà Nguyễn Thị T

Tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa bà Dương Thị H (do bà Nguyễn Thị T ký) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn M1 trong khoảng thời gian từ tháng 7/2012 đến tháng 12/2022 là vô hiệu.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T, Công ty Trách nhiệm hữu hạn M1, bà Dương Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

3. Về lệ phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu C 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 73121 ngày 10/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ lệ phí.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà Nguyễn Thị T, Công ty Trách nhiệm hữu hạn M1, bà Dương Thị H có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- Dương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Trương Thị Nhung